

ĐẠI THỪA KHỞI TÍN LUẬN LIỆT VÔNG SỞ

QUYỂN 2

CHƯƠNG 3. GIẢI THÍCH

Chia làm hai:

- Lập khoa
- Chánh giải.

1. Lập khoa:

Thế nào là phần giải thích? Ở đây có ba nghĩa:

- Vì nói lên nghĩa thật
- Vì đối trị tà chấp
- Vì phân biệt tướng tu hành chân chánh

Nói lên nghĩa thật để dứt nghi, đối trị tà chấp để dứt chấp tức khởi tin, phân biệt tướng tu hành chân chánh tức là nối tiếp làm hưng thịnh hạt giống Phật.

2. Chánh giải:

Chia làm ba:

Mục 1: Nói lên nghĩa thật.

Mục 2: Đối trị tà chấp.

Mục 3: Phân biệt tướng tu hành chân chánh.

MỤC 1: NÓI LÊN NGHĨA THẬT:

Chia làm ba:

A1: Nêu chung hai môn

A2: Giải thích từng môn.

A3: Kết luận nêu lên hai môn không lìa nhau.

A1: Nêu chung hai Môn:

Trong luận này, nói lên nghĩa thật có nghĩa, là có hai môn cùng nương vào Nhất tâm, đó là môn Tâm Chân như và môn Tâm Sinh diệt. Hai môn này mỗi môn đều thu nhiếp hết tất cả pháp vì xoay vần mà không lìa nhau.

NHẤT TÂM tức chỉ cho tâm hiện tiền của chúng sinh. Nói có hai môn nghĩa là chẳng phải trước sau, bên phải bên trái nên gọi là hai. Chỉ

là tùy duyên bất biến tức tâm sinh diệt này gọi là môn Chân như, bất biến tùy duyên tức tâm Chân như này gọi là môn Sinh diệt, ý muốn nói chỉ có một môn mà thôi. Cũng có nghĩa là: “chư Phật Bạt-già Phạm, một con đường vào cửa Niết-bàn. Chỉ do tâm mê thì sinh tử bắt đầu, toàn thể Chân như thành sinh diệt; tâm ngộ thì chấm dứt luân hồi, ngay thể sinh diệt bèn là Chân như, nên theo mê ngộ mà nói về hai môn. Lại nữa do đối đãi với mê gọi là ngộ, tức là môn Sinh diệt, mê ngộ bình đẳng chính là môn Chân như.

Nói hai môn này, mỗi môn đều thu nhiếp tất cả pháp nghĩa, theo môn Chân như thu nhiếp một trăm cõi, một ngàn như, năm vị, một trăm pháp, mỗi pháp đều là Chân như, tánh thường bình đẳng vì không thêm không bớt không có khác nhau. Theo môn Sinh diệt cũng thu nhiếp một trăm cõi, một ngàn như, năm vị và một trăm pháp, mỗi pháp đều là sinh diệt. Vì các pháp thuộc sáu phạm là do nhân duyên mê nhiễm tạo thành, các pháp thuộc bốn quả Thánh là do nhân Duyên giác ngộ thanh tịnh tạo thành. Không có một pháp thế gian và xuất thế gian nào không từ nhân duyên sinh diệt mà được hiển bày.

Nói hai cửa này xoay vần mà không lia nhau nghĩa là ngoài nhất tâm Chân như thì không thể có sinh diệt, thí như ngoài phương hướng thì không có sự mê ngộ nào khác, cũng như ngoài tánh ướt là không có nước và băng nào khác. Ngoài Nhất tâm sinh diệt cũng không thể có Chân như, ví như ngoài mê ngộ không có phương hướng nào khác, ngoài nước và băng không có tánh ướt nào khác.

Hỏi: Vì sao nương vào Nhất tâm lại nói lên hai môn?

Đáp: Tất cả các pháp đều có hai môn này, vì thế chư Phật nói pháp thường nương vào hai đế. Môn tâm Chân như tức là chân đế, môn tâm Sinh diệt tức là tục đế. Tuy nói hai đế mà chỉ là một pháp, vì hai đế viên dung không thể nghĩ bàn cho nên mỗi đế thu nhiếp tất cả pháp, xoay vần không lia nhau.

Lại nữa, toàn tánh khởi hai lối tu thuận và nghịch thì gọi là môn Sinh diệt, cả hai lối tu nghịch và thuận một tâm không đổi thì gọi là môn Chân như.

Lại nữa, toàn lý thành sự gọi là môn Sinh diệt, toàn sự tức lý tức là môn Chân như. Lại nữa, phân biệt sự lý gọi là môn Sinh diệt, dứt hẳn sự lý gọi là môn Chân như. Ngay nơi quyền mà thật gọi là môn Chân như, tức thật mà quyền gọi là môn Sinh diệt. Phân biệt quyền thật thì gọi là môn Sinh diệt, quyền thật không hai thì gọi là môn Chân như. Vì thật lập quyền, nương môn Chân như nói môn Sinh diệt. Khai quyền

bày thật chỉ môn Sinh diệt tức là môn Chân như. Vì thật lập quyền, khai quyền bày thật đều là môn Sinh diệt, lý thì chẳng phải quyền chẳng phải thật, gọi là môn Chân như. Nói theo trí thì sinh diệt tức là môn Chân như, nói theo tình thì Chân như tức là môn Sinh diệt, nói theo tình trí thì nương Nhất tâm lại có hai môn.

Hỏi: Hai môn tức là hai đế thì bảy thứ hai đế làm sao thu nhiếp được?

Đáp: Nếu “thật có” là tục đế và “thật có diệt” là chân đế. Tục đế tức kiến chấp thuộc tương ứng nhiễm trong môn Sinh diệt, Chân đế thì theo cho mà nói thì thuộc tương tự giác trong môn Sinh diệt, theo đoạt mà nói thì chỉ thuộc bất đoạn tương ứng nhiễm.

Vì là cảnh giới chấp thủ của phân biệt pháp chấp, nếu huyền có là tục đế thì huyền có tức không phải là chân đế. Tục đế cũng thuộc chấp tương ứng nhiễm, chân đế chính là thuộc một phần của nghĩa Không trong môn Chân như. Nếu huyền có là tục đế, huyền có tức Không, Bất Không cũng là chân đế. Tục đế cũng nhiếp thuộc như trước, còn chân đế chính là thuộc về nghĩa Bản Giác trong môn Sinh diệt.

Cũng thuộc về một ít phần nghĩa Không trong môn Chân như. Nếu huyền có là tục đế, huyền có tức Không, Bất Không, tất cả pháp thú hưởng Không, Bất Không là chân đế. Tục đế cũng thuộc như trước, chân đế tức thuộc về môn Chân như. Nếu huyền có, huyền có tức không, đều gọi là tục đế, chẳng có chẳng không là chân đế. Tục đế tức thuộc về nghĩa Bất Giác trong môn Sinh diệt, cũng thuộc về nghĩa Tương tự giác. Chân đế tức thuộc về nghĩa Bản Giác trong môn Sinh diệt.

Nếu huyền có, huyền có tức Không đều gọi là tục đế, chẳng phải có chẳng phải không, tất cả pháp thú hưởng chẳng phải có chẳng phải không là chân. Tục đế cũng nhiếp thuộc như trên. Chân đế tức thuộc về môn Chân như, nếu huyền có, huyền có tức Không, chẳng phải có chẳng phải không đều gọi là Tục đế. Tất cả pháp thú hưởng về có, thú hưởng về không, thú hưởng về chẳng phải có chẳng phải không là Chân đế. Tục đế tức tâm môn Sinh diệt, chân đế tức tâm môn Chân như, chính là yếu chỉ căn bản của luận này.

Hỏi: Năm loại ba đế nhiếp nhau thế nào?

Đáp: Huyền có là tục đế thuộc chấp tương ứng nhiễm, giống như đoạn trên. Tức Không Bất Không là chân đế, chính Bất Không này gọi là Trung đạo.

Không tức chút phần nghĩa Không trong môn Chân như, trung đạo tức là nghĩa Bản Giác trong môn Sinh diệt.

Nếu tất cả pháp thú hưởng Không, Bất Không, gọi Bất Không này là Trung đạo nghĩa là Không, tức nghĩa Không trong môn Chân như, trung đạo tức nghĩa Bất Không trong môn Chân như.

Nếu phân Huyền có huyền có tức không của tục đế cho là hai đế chân và tục.

Chỉ chẳng phải có chẳng phải không của chân đế gọi là Trung đạo đế, nghĩa là, tục đế thì thuộc về chấp tương ứng nhiễm, chân đế thuộc về Tương tự giác, trung đạo thuộc về Bản giác. Nếu tất cả pháp thú hưởng trung đạo nghĩa là, tục đế và chân đế vẫn thuộc về nghĩa như trước, Trung đạo mới thuộc về nghĩa Bất Không trong môn Chân như. Nếu ba đế viên diệu nghĩa là, chân đế tức nghĩa Không trong môn Chân như, tục đế tức nhiếp hết nghĩa Giác, bất giác trong môn Sinh diệt. Trung đạo tức là nghĩa Bất Không trong môn Chân như. Nhất tâm có hai môn vì xoay vần mà không lìa nhau, cho nên Nhất tâm ba đế viên dung không thể nghĩ bàn. Nên biết trong lý vốn đủ ba đế, nhưng vì lý dung sự thì không có sự nào chẳng phải lý, nên gom ba thành hai. Trong sự cũng đủ ba đế, nếu dùng sự hiển bày lý thì không có lý nào chẳng phải sự, cho nên gom ba thành một.

A2. Giải thích từng Môn:

Chia làm hai:

B1. Giải thích tâm của môn Chân như

B2. Giải thích tâm của môn Sinh diệt

B1. Giải thích tâm của môn Chân Như:

Chia làm hai:

C1. Giải thích tướng tâm Chân như.

C2. Chỉ bày thể Đại thừa.

C1. Giải thích tướng của tâm Chân Như:

Chia làm hai:

D1. Nói về pháp thể.

D2. Nói về thuận theo ngộ nhập.

D1. Nói về Pháp Thể:

Chia làm hai:

E1. Mượn lời để nói pháp.

E2. Nói lên pháp lìa lời nói.

E1. Mượn lời để nói Pháp:

Tâm Chân như tức là Nhất pháp giới đại tổng tướng pháp môn thể. Vì bản tánh của tâm có Tướng bất sinh bất diệt, tất cả các pháp đều do vọng niệm mà có khác nhau. Nếu lìa vọng niệm thì không có tướng

cảnh giới khác nhau, cho nên các pháp từ xưa đến nay tánh lia ngôn ngữ, tất cả văn tự không thể nói bày. Lia tâm phan duyên không có các tướng, rốt ráo bình đẳng thường không thay đổi, không thể phá hoại vì là nhất tâm, nên gọi là Chân như.

Tâm tức chỉ tâm hiện tiền của chúng sinh, Chân nghĩa là tánh kia chẳng vọng vì chẳng phải bốn đại, cũng chẳng phải bóng dáng sáu trần.

Vì chẳng có các vọng tướng giới hạn về không gian trong, ngoài, khoảng giữa, hay thời gian quá khứ, hiện tại, vị lai.

Như nghĩa là tánh kia không đổi khác, vì bất sinh bất diệt, không như không sạch, không thêm không bớt, không đổi khác. Bởi vì Chân như bất biến tùy duyên, toàn thể thành tâm hiện tiền của chúng sinh.

Tâm này tùy duyên bất biến vẫn là toàn thể pháp giới Chân như, nên nói là Nhất pháp giới đại tổng tướng pháp môn thể.

Xưa nay không hai gượng gọi là nhất, nguồn gốc các pháp gượng gọi là pháp giới, dứt mọi đối đãi không có gì ngoài nó, gượng gọi là Đại; chỉ có một tướng là Vô tướng, không có tướng khác gượng gọi là Tổng tướng; có thể làm phép tắc có thể gìn giữ gượng gọi là pháp; chẳng có chỗ nào không thông suốt gượng gọi là Môn. Ví như biển lớn toàn thể thành bọt nước, nghiên cứu một hòn bọt nước này không có tự thể riêng khác, chỉ nắm giữ tánh ướt của biển lớn làm thể. Chỉ tánh ướt trong một hòn bọt nước này chính là tánh ướt của toàn thể biển lớn, chẳng phải lại có hai tánh, vì chẳng có tướng khác. Lại nữa, ví như ánh sáng mặt trời toàn thể vào khe hở trên vách, nghiên cứu ánh sáng của khe vách này không có thể tánh riêng, chỉ nắm giữ ánh sáng mặt trời làm thể. Chỉ tánh sáng trong khe vách này chính là tánh sáng của toàn thể mặt trời, chẳng phải có hai tánh vì không có tướng nào khác.

Từ câu “Vì bản tánh của tâm v.v...” trở xuống là giải thích thành nghĩa này; nghĩa là vì bản tánh tâm hiện tiền của chúng sinh, trước không có chỗ bắt đầu, cho nên không sinh, sau không kết thúc cho nên không diệt. Thí như hư không chẳng phải tạm có, chẳng phải tạm không, mà cũng không đồng với tướng hư không đối với sắc hiển bày, cho nên bất đắc dĩ gượng gọi là tướng không sinh diệt.

Trong đây nên hỏi rằng: Mỗi lời trong kinh đều nói: Tâm sinh pháp sinh, tâm diệt pháp diệt, hiện nay thấy tất cả các pháp có các thứ sinh diệt khác nhau, há chẳng phải là tâm có sinh diệt hay sao? Sao lại nói Tướng không sinh không diệt được ư?

Nên giải thích rằng: Tất cả các pháp đều do vọng niệm mà có

khác nhau, ví như dụi mắt vọng thấy hoa đốm, nếu lia vọng niệm thì không có tướng cảnh giới khác nhau, ví như mắt đã hết bệnh thì không có tướng sinh diệt của hoa đốm. Cho nên Chân như của tâm tức là Chân như của các pháp, Chân như của các pháp tức là Chân như của tâm. Xưa nay tâm tánh đã lia lời nói, tất cả văn tự không thể hiển bày, lia tâm phan duyên không có các tướng, rốt ráo bình đẳng thường không thay đổi, không thể phá hoại. Do đó, tánh các pháp xưa nay cũng lia lời nói, cho đến không thể phá hoại.

Cho nên tất cả chư Phật, tất cả chúng sinh, tất cả cõi nước giả thật, rốt ráo chỉ có một tâm thanh tịnh làm thể, ngoài một tâm không có pháp khác nên bất đắc dĩ gọi là Chân như.

E2. Trình bày Pháp lia lời nói:

Từ xưa đến nay không thể nói năng, không thể phân biệt, tất cả lời nói chỉ là giả dối chẳng phải thật, chỉ tùy theo vọng niệm vì không thật có. Chân như nghĩa là cũng không có tướng, chỉ là chỗ cùng tột của tất cả lời nói, dùng lời đẹp lời, chẳng phải thể tánh kia có thể đui đẹp dù chỉ một phần nhỏ, hoặc có thể dựng lập dù chỉ một phần nhỏ.

Ở đây nói về tánh của tâm Chân như, tức là tánh Chân như của tất cả pháp. Đường ngôn ngữ dứt nên không thể nói năng, chỗ tâm hành diệt nên không thể phân biệt. Và lại, như các vật ở thế gian nếu gọi lửa không nóng, nước không ướt cũng không thể nói được. Nghĩ lửa không thiêu đốt, nước không thấm cũng chẳng thể phân biệt. Huống là nghĩa đế Chân như đệ nhất lia lỗi dứt quấy chỉ là chỗ thâm chứng ngộ của tự giác thánh trí, làm sao có thể nói năng và phân biệt được?

Vì tất cả lời nói đều là giả danh chẳng có nghĩa thật, chỉ tùy theo vọng niệm mà gượng dựng lập, rốt ráo không thật có.

Hỏi: Đã nói không thể nói năng thì hai chữ Chân như chẳng phải là lời nói ư? Đã nói không thể phân biệt thì tướng Chân như không sinh diệt, chẳng phải là tướng riêng ư?

Đáp: Nói Chân như cũng là vô tướng, chỉ là chỗ tột cùng của tất cả lời nói, dùng lời đẹp lời mà thôi. Như Luận Duy Thức nói Chân như cũng là tên tạm đặt, ngăn chặn sự bác bỏ cho rằng Chân như là không có nên nói là có, ngăn sự chấp trước là có nên nói là không, không cho nói hư huyền nên nói là thật, lý chẳng điên đảo lường dối nên gọi là Chân như, chẳng đồng với các tông khác cho rằng thật có một pháp thường hằng, lia sắc tâm v.v... gọi là Chân như.

Tức là chỗ cùng tột trong ngôn thuyết, là ý chỉ dùng lời đẹp lời. Lại sợ kẻ mê nghe nói đẹp lời, lầm chấp thật có pháp để đẹp, nên nói

rằng: chẳng phải thể tánh kia có thể đẹp trừ dù chỉ một phần thật nhỏ. Lại vẫn sợ kẻ mê nghe nói không đẹp, lầm chấp thật có pháp để dựng lập cho nên nói chẳng phải thể tánh Chân như kia có thể dựng lập dù một chút phần thật nhỏ. Chẳng phải có thể đẹp dù một phần thật nhỏ nhưng chẳng phải là không ngờ, chẳng phải có thể dựng lập dù chỉ một phần thật nhỏ nhưng chẳng phải huyền có. Do chẳng phải huyền có nên thành nghĩa Chân thật Không, do chẳng phải không ngờ nên thành nghĩa Chân thật Bất không.

Bản dịch đời Lương ghi: Thể Chân như này không thể đẹp vì tất cả pháp đều chân, cũng không có thể dựng lập vì tất cả pháp đều như.

Kinh Đại Phật Đảnh chép: Năm ấm, sáu nhập, mười hai xứ, mười tám cõi sinh diệt qua lại, đều là diệu tánh Chân như của Như Lai tàng, tức là nghĩa không thể đẹp. Lại nói: Trong tánh chân thường tìm sinh tử, mê ngộ qua lại v.v... rối ráo không thật có, tức là nghĩa không thể dựng lập.

Phần đầu nói về pháp thể đã xong.

D2. Nói thuận theo Ngộ Nhập:

Hỏi: Nếu như thế chúng sinh làm sao thuận theo ngộ nhập?

Đáp: Nếu biết tuy nói tất cả pháp mà không có năng thuyết sở thuyết, tuy nhớ nghĩ tất cả pháp mà không có năng niệm sở niệm, bấy giờ thuận theo, vọng niệm đều dứt gọi là ngộ nhập.

Chân như tức là thật tánh các pháp, cũng là thật tánh của tất cả lời nói, cũng là thật tánh của tất cả niệm. Cho nên vốn không ngoài tất cả pháp, tất cả lời nói tất cả niệm, chỉ vì bất biến tùy duyên toàn thể mà thành năng thuyết sở thuyết, năng niệm sở niệm. Tùy duyên bất biến toàn thể năng thuyết sở thuyết của phàm phu đều là tánh Chân như, thường bình đẳng không khác nhau.

Chúng sinh không biết, đối với pháp Chân như bình đẳng, vọng chấp cho là thật có năng thuyết sở thuyết, năng niệm sở niệm, ấy là trái với Chân như, nhưng không hề ra ngoài thể tánh Chân như, cũng có thể gọi là Lý tức tùy thuận. Nếu ngay vọng niệm này khai mở pháp Đại thừa, biết là không có thật tánh, đây là Danh tự tùy thuận. Nếu khiến sự hiểu biết này mỗi niệm nối nhau để thành tự tư tuệ, đây là Quán Hạnh tùy thuận. Nếu khiến sự hiểu biết này thuần thực một cách hồn nhiên để thành tự tư tuệ thì đây là Tướng tự tùy thuận. Nếu do sự hiểu biết này giúp cho Trí Diệu Quan Sát phát sinh, tiếp xúc và chứng đắc Chân như, thế là vọng niệm đều hết sạch tức là Phần Chứng tùy thuận, đổi tên gọi là Ngộ Nhập.

Hỏi: Vọng niệm đều hết sạch đáng lẽ là Tướng Cứu Cánh Vị, vì sao gọi là Phần Chứng?

Đáp: Khi chân kiến đạo, vì tất cả phân biệt không hiện hành, vì chỗ chứng Chân như không có ranh giới, nên cũng được gọi là đều hết sạch.

Từ đây về sau, tu hành có tăng tiến đều là trí Vô lậu, gọi là Chân tu, không giống như ba thứ trí tuệ hữu lậu Văn Tư Tu chỉ gọi là Duyên tu, nên không còn gọi là Vọng niệm.

Hỏi: Chân tu tăng tiến chắc chắn không có tên gọi là vọng niệm, khi xuất thiền quán vẫn có vọng niệm vô minh sâu kín hiện hành thì đâu thể gọi là đều dứt sạch?

Đáp: Khi xuất thiền quán chợt khởi vọng niệm sâu kín không gọi là thuận theo, nghĩa là đã là Thánh mà không nhớ lại trở thành điên cuồng.

Trên danh tự có thể biết vọng niệm không tánh cũng gọi là thuận theo, nghĩa là đang điên cuồng khắc niệm thì là Thánh. Tóm tắt lại, Lý tức thuận nghịch, Cứu Cánh thì thuận thuận.

Từ quả vị Danh Tự trở lên, quả vị Đẳng Giác trở xuống đều có nghịch lẫn thuận, ví như ánh trăng đêm mờng một cho đến đêm mười bốn, tuy ánh sáng tăng dần tướng tối chưa hết; chỉ Phần Chứng đã đặc vô lậu, không bao giờ lui mịt, ví như mặt trăng sáng vừa mọc ánh sáng chiếu khắp mặt đất, cũng được gọi là vọng niệm đều dứt sạch.

Phần đầu giải thích tướng tâm Chân như đã xong.

C2. Chỉ bày Thể Đại Thừa:

Chia làm hai:

D1. Giải thích sơ lược tiêu đề

D2. Giải thích rộng.

D1. Giải thích sơ lược tiêu đề:

Lại nữa, Chân như y theo lời nói mà kiến lập có hai thứ khác nhau:

1. Chân thật không, vì rốt ráo xa lìa tướng không thật, hiển bày thể chân thật.

2. Chân Thật Bất không, vì bản tánh đầy đủ vô biên công đức, có tự thể riêng.

Chân như lìa tướng nói năng nhưng vẫn y theo lời nói mà kiến lập nghĩa là, vì hưởng xuống môn Sinh diệt, gượng ở nơi không có tên gọi, không có hình tướng, không có thể tánh, chỉ mượn danh từ giả tạm để gọi, giúp cho người nương ngón tay, danh từ giả tạm để thấy được vắng

trăng thật thể.

Nhưng Chân như còn chẳng phải là một, há là có hai thứ khác nhau, chỉ vì Biến kế sở chấp vốn không, Y tha khởi như huyền nên gọi là Chân thật không; viên thành thật vốn đầy đủ nên còn gọi là Chân Thật Bất Không. Nhờ cái không của Biến Kế Y tha mới hiển bày được cái Bất Không của Viên thành, ví như biết rõ con rắn chẳng có, hiểu rành sợi dây không thật mới nói lên được tự thể của sợi gai Bất Không. Do thấy Viên Thành bất không mới tin biến kế, y tha chẳng có, ví như khi thấy bốn sợi gai nhỏ thì biết con rắn chắc chắn vốn không có, sợi dây cũng chẳng thật. Chỉ có tâm tánh hiện tiền của chúng sinh vốn không có Ngã thật, Pháp thật, cũng không có các tướng huyền khác nhau của năm vị một trăm pháp, một trăm cõi, một ngàn như.

Cho nên nói rõ ráo xa lìa tướng không thật, nhờ đó hiển bày tâm tánh toàn vọng tức chân, chân thường riêng hiển bày nên nói là hiển bày thể thật.

Đã hiển bày thể thật thì mới biết bản tánh của tâm này vốn đầy đủ vô biên công đức, nghĩa là, lý đủ tam thiên cõi, sự tạo tam thiên cõi, vì tất cả tướng công đức tất cả nghiệp dụng đồng thể Chân như không có phân biệt. Cho nên được:

*Bụi bụi Hoa tạng
Niệm niệm Tỳ-lô
Khấp nhau dung nhau
Cũng chẳng ở đâu.*

Vì Không và Bất không chỉ là thể Nhất tâm Chân như, Thể Chân như này tức là thể Đại thừa.

D2. Giải thích rộng:

Chia làm hai:

- E1. Giải nghĩa không
- E2. Giải nghĩa bất không.

E1. Giải nghĩa Không:

Lại nữa, Chân Thật không là từ xưa đến nay không tương ứng với tất cả pháp nhiệm, lìa tướng khác nhau của tất cả pháp, không có tâm phân biệt lưỡng đối, nên biết Chân như chẳng có tướng, chẳng phải không có tướng, chẳng phải vừa có vừa không có tướng, chẳng phải chẳng phải có chẳng phải không có tướng; chẳng phải tướng một, chẳng phải tướng khác, chẳng phải vừa là tướng một vừa là tướng khác, chẳng phải chẳng phải tướng một chẳng phải tướng khác. Tóm lại, vì chỗ vọng tâm phân biệt của tất cả chúng sinh không thể thân chứng nên

gọi là Không, y cứ theo đạo lý chân thật thì vọng niệm chẳng thật có, tánh Không cũng không vì pháp bị ngăn là không, pháp năng ngăn cũng không có.

Đoạn này lại nói về Chân thật không, chỉ biểu hiện trên thể Chân như, vốn không vọng niệm cho nên dùng chữ Không để ngăn cái Có luống dối kia, chẳng phải ám chỉ lấy Không này làm thể Chân như.

Tâm tánh hiện tiền xưa nay rõ ràng tìm không thật có, thì làm sao tương ứng với pháp nhiệm được? Làm sao có các pháp tướng khác nhau được? Chỗ nào có thể dung chứa các phân biệt luống dối, cho nên bốn tướng có không và bốn tướng một khác đều không, cho đến tất cả vọng tâm phân biệt đều không thể tiếp xúc và chứng đắc tâm tánh này.

Nhưng tuy nói vọng tâm phân biệt không thể tiếp xúc, nhưng vọng tâm phân biệt này tự tìm lại nó cũng không thật có, cho đến tất cả pháp nhiệm vốn không thật có, tất cả sự khác nhau vốn không thật có, há phải chờ dùng Không để dẹp trừ nó rồi mới Không ư? Nếu dẹp vọng còn Không, Không vẫn là vọng. Nay nói Không, có nghĩa là mục đích ngăn vọng niệm để rõ vốn Không, chẳng phải chỉ Không này là Chân như.

E2. Giải thích nghĩa Bất Không:

Nói Chân Thật Bất Không vì vọng niệm rỗng không chẳng có, tức nói lên Chân tâm thường hằng không đổi, pháp thanh tịnh viên mãn nên gọi là Bất Không, cũng chẳng có tướng Bất Không vì chẳng phải chỗ vận hành của tâm vọng niệm.

Vì chỉ là chỗ chứng của người lìa niệm.

Đây chính là nói Chân Thật Bất không, nghĩa là chỉ cần thông hiểu vọng niệm vốn không, tức Chân tâm thường hằng không thay đổi, pháp thanh tịnh viên mãn liền hiển bày, cho nên dùng Bất Không để tiêu biểu, không giống như vọng niệm chấp tướng Bất Không.

Nếu cho tướng Bất Không của vọng niệm là Chân như thì cũng giống các tông khác chấp lìa sắc tâm v.v... thật có pháp thường hằng gọi là Chân như, thật lắm to!

Trong chánh văn nói thường hằng là đức Thường, bất biến là đức Ngã, pháp thanh tịnh là đức Tịnh, thể tánh viên mãn là đức Lạc, tức là bốn đức không thể nghĩ bàn nên chỉ là chỗ chứng đắc của người lìa niệm.

Phần đầu giải thích môn Chân như đã xong.

B2. Giải thích Môn Tâm sinh diệt:

Chia làm hai:

Chi 1. Giải thích tướng nhân duyên của tâm sinh diệt.

Chi 2. Hiển bày Thể Tướng, Dụng của Đại thừa.

CHI 1. Giải thích Tướng nhân duyên của Tâm sinh diệt:

Chia làm hai:

Tiết 1. Sự sinh diệt của pháp nhiệm tịnh.

Tiết 2. Sự huân tập của pháp nhiệm tịnh.

TIẾT 1. Sự sinh diệt của Pháp Nhiệm tịnh:

Chia làm ba:

A1. Giải thích tâm sinh diệt.

A2. Nói nhân duyên sinh diệt.

A3. Nói tướng sinh diệt.

A1. Giải thích Tâm sinh diệt:

Chia làm ba:

B1. Nêu tên nêu ý nghĩa.

B2. Y theo nghĩa giải thích từng thứ.

B3. Phân tích chung sự giống và khác.

B1. Nêu tên nêu ý nghĩa:

Tâm môn Sinh diệt là nương Như Lai tàng biến chuyển mà có tâm sinh diệt, không sinh diệt hòa hợp với sinh diệt chẳng phải một chẳng phải khác gọi là thức A-lại-da.

Thức này có hai nghĩa, là thu nhiếp tất cả pháp và sinh ra tất cả pháp. Lại có hai nghĩa, một là nghĩa giác, hai là nghĩa Bất Giác.

Như Lai tàng tức là Chân như. Chân như bất biến tùy duyên mà toàn thể thành sinh diệt. Nay không nói nương Chân như mà có tâm sinh diệt chuyển.

Là nói nương Như Lai tàng có tâm sinh diệt chuyển, vì lấy Chân như làm thể của tâm này, như tánh ướt của nước; lấy Như Lai tàng làm Tướng tâm này ví như tánh ướt của nước. Chân như đã không sinh diệt cho nên Như Lai tàng cũng không sinh diệt, Chân như toàn thể tùy duyên.

Cho nên nương thức thứ tám Như Lai tàng có bảy thức tâm sinh diệt trước chuyển. Bảy thức trước này đều nương thức thứ tám mà sinh khởi, đều nắm giữ Chân như làm thể, ví như nương nước dậy sóng, sóng cũng lấy tánh ướt làm thể.

Thức thứ tám và bảy thức trước xoay vần nương nhau, làm nhân quả lẫn nhau ví như nước và sóng, nên gọi là hòa hợp. Hay huân tập và bị huân tập khác nhau nên chẳng phải một, cùng lấy Chân như làm Thể nên chẳng phải khác. Vì có nghĩa năng tàng sở tàng và chấp tàng

nên lại được gọi là A-lại-da. (A-lại-da Hán dịch là Tàng) vì Thể nó là Chân như nên thu nhiếp tất cả pháp, vì thọ nhận, huân tập và giữ gìn hạt giống nên sinh ra tất cả pháp.

Hỏi: Thể A-lại-da tức Chân như, A-lại-da hay thu nhiếp tất cả pháp nghĩa là toàn Chân như thành A-lại-da, thì Chân như cũng nên sinh tất cả pháp?

Đáp: Lý đúng như vậy! Chỉ theo nghĩa bất biến tùy duyên nên gọi là Như Lai tàng, cũng gọi là A-lại-da, nên có thể nói sinh tất cả pháp. Nếu theo nghĩa tùy duyên bất biến mới gọi là Chân như, cho nên có thể nói thu nhiếp tất cả pháp, đều chẳng sinh diệt, không thể nói sinh tất cả pháp.

Hỏi: Chân như đã không được nói là sinh ra tất cả pháp, thì A-lại-da cũng không được nói là thu nhiếp tất cả pháp phải không?

Đáp: A-lại-da nắm giữ toàn bộ Chân như làm thể, chẳng phải một ít phần cho nên thu nhiếp tất cả pháp. Thu nhiếp tất cả pháp tức là Lý đủ thể giới tam thiên; sinh tất cả pháp tức là Sự tạo thể giới tam thiên. Vì có Lý đầy đủ mới có Sự tạo tác, vì có Sự tạo tác mới hiển Lý đầy đủ, nếu không thu nhiếp tất cả pháp đâu thể sinh tất cả pháp, nếu chẳng sinh tất cả pháp đâu thể nói lên thu nhiếp tất cả pháp. Lại nữa, Chân như và A-lại-da không giống nhau cũng không khác nhau, vì không khác nên nói thu nhiếp tất cả pháp, vì không phải một nên không nói Chân như sinh tất cả pháp. Lại nữa, Chân như bất biến tùy duyên.

Không phải chỉ nêu thể làm Như Lai tàng, thức A-lại-da cũng lại nêu thể thành các chuyển thức và tất cả pháp. Ví như tánh ướt chẳng những toàn thể là nước mà cũng toàn thể là sóng, cho nên mỗi mỗi chuyển thức và tất cả pháp tùy duyên bất biến đều là toàn thể Chân như, chẳng phải một ít phần Chân như. Nên biết mỗi chuyển thức và tất cả pháp, y cứ vào đạo lý chân thật, mỗi thứ đều thu nhiếp tất cả pháp, sinh ra tất cả pháp.

Hiện nay nói A-lại-da hay thu nhiếp hay sinh khởi là tạm nói theo tướng khác của môn Sinh diệt, nếu theo tướng đồng thì đều là toàn thể Chân như, đều đầy đủ đại dụng của Chân như. Lại nữa, bảy chuyển thức trước tướng tuy sinh diệt, như thể là Chân như, vốn không sinh diệt. Thể Như Lai tàng tuy không sinh diệt, nhưng tùy nhân duyên nên Tướng cũng sinh diệt. Nay tâm sinh diệt chỉ cho bảy chuyển thức, không sinh diệt chỉ cho Như Lai tàng, nghĩa là tạm theo nghĩa không phải một trong môn Sinh diệt mà nói; nếu theo nghĩa chẳng khác mà nói thì bảy thức sinh diệt tức là Tàng thức sinh diệt, Tàng thức không sinh diệt tức là bảy thức

cũng không sinh diệt. Cho nên kinh Lăng già nói bảy thức không lui sụt, không chịu khổ vui, chẳng phải nhân Niết-bàn tức là nghĩa không sinh diệt của bảy thức.

Lại nói rằng Như Lai Tàng chịu khổ vui, cùng nhân câu hội, hoặc sinh hoặc diệt, tức là nghĩa Tàng thức sinh diệt. Lại có hai nghĩa, nghĩa là trong Tàng thức này từ vô thủy đến nay dĩ nhiên đã vốn đầy đủ hạt giống trí đức vô lậu, sinh các pháp vô lậu, gọi là nghĩa Giác. Dĩ nhiên vốn đầy đủ hạt giống vô minh hữu lậu, sinh ra các pháp hữu lậu, gọi là nghĩa Bất giác.

Hỏi: Đoạn sau giải thích nghĩa chữ Giác là tâm tánh nghĩa bất nhất, tức là Pháp thân bình đẳng của tất cả Như Lai gọi là Bản giác, đâu thể đem hạt giống Vô lậu để giải nghĩa Như Lai tàng?

Đáp: Chân như bất biến tùy duyên toàn thể thành hoặc, là hạt giống hoặc là hiện hành vô lậu hữu lậu, cho nên đoạn sau nói như thế, thì các thứ dụng huyễn vô lậu vô minh đều cùng một tướng chân. Phàm hạt giống và hiện hành vô minh còn đồng một tướng chân, hướng chi là hạt giống hiện hành vô lậu há không phải tánh nghĩa bậc nhất hay sao? Há không phải là Pháp thân bình đẳng của tất cả Như Lai hay sao? Vì hạt giống vô lậu vốn tự có, nên gọi là Bản Giác. Hàng Tứ trí tâm phẩm mới khởi hiện hành nên gọi là Thủy giác, Tứ trí tâm quả vị Phật tức đồng hạt giống Vô lậu, toàn thể Chân như không thêm không bớt, bình đẳng nên nói Thủy Giác tức Bản Giác.

Xả được kiến chấp cũ đó là điều may mắn, nên phải tha thiết suy nghĩ về điều này.

B2. Y theo nghĩa giải thích mỗi thứ:

Chia làm hai:

- C1. Giải thích nghĩa Giác.
- C2. Giải thích nghĩa Bất giác

C1. Giải thích nghĩa Giác:

Chia làm ba:

- D1. Lập nghĩa hai thứ Bản Giác, Thủy Giác.
- D2. Nói riêng về Bản Giác, Thủy Giác.
- D3. Nói chung về bốn thứ đại nghĩa.

D1. Lập nghĩa hai thứ Bản giác và Thủy giác:

Ý nghĩa chữ Giác là tâm Tánh nghĩa bậc nhất, lia tất cả vọng niệm. Vì lia tất cả vọng niệm nên bằng cội hư không, chẳng ở đâu không cùng khắp. Nhất tướng pháp giới tức là Pháp thân bình đẳng của tất cả Như Lai, nương Pháp thân này nói tất cả Như Lai là Bản giác. Vì đối với

Thủ giác lập thành Bản giác, nhưng khi vừa mới Giác (Thủ giác) tức là Bản Giác này, không có sinh khởi giác nào khác. Lập nghĩa Thủ giác là nương Bản giác mà có Bất giác, nương Bất giác nói có Thủ giác.

Tâm tức chỉ cho Tâm hiện tiền của chúng sinh. Tánh Nghĩa bậc Nhất là chỉ hạt giống vô lậu thành tựu từ vô thủy, không thay đổi danh tánh. Là tất cả tướng vọng niệm nghĩa là hạt giống vô lậu này tuy nương tựa thức căn bản, nhưng chẳng phải là chỗ thức căn bản duyên theo được. Bằng cội hư không, chẳng ở đâu không cùng khắp nghĩa là hạt giống vô lậu này tánh đã thuận theo Chân như thì chẳng có nơi chốn, hình tướng để hạn cuộc. Pháp giới nhất tướng nghĩa là hạt giống vô lậu này đã thuận theo Chân như tức cùng Chân như pháp giới đồng một tướng, không thể nghĩ bàn. Tức là Pháp thân bình đẳng của tất cả Như Lai, nghĩa là Trí và Chân như bình đẳng bình đẳng, chỉ có Như như và trí Như như này mới là chỗ đồng chứng của tất cả Như Lai, gọi chung là Pháp thân. Y theo Pháp thân này nói là Bản Giác nghĩa là tuy dưỡng như mới thành mà thật ra là Phật xưa. Vì đối đãi Thủ Giác lập thành Bản giác nghĩa là tuy là Phật xưa mà không trở ngại mới thành. Nhưng khi mới bắt đầu giác ngộ tức là Bản giác. Không có sinh giác nào khác nghĩa là hạt giống toàn thể thành hiện hành, hiện hành mà không thay đổi hạt giống từ vô thủy, như nước đóng thành băng, băng tan trở lại thành nước, chẳng phải có nước mới riêng.

Hỏi: Đã nói không sinh Giác khác, vì sao gọi là Thủ Giác được?

Đáp: Nương theo Bản giác mà có Bất giác, như nước đóng thành băng; y theo Bất giác nói có Thủ giác, như băng mới tan thành nước. Lại nương theo đoạn sau ví dụ để làm rõ nghĩa. Như Lai tàng tức Chân như ví như phương Đông, phương Tây đã nhất định, không phải mê, không phải ngộ mà làm chỗ nương cho mê ngộ. Ở đây đã xác định phương Đông phương Tây, tức phải có cái biết biết phương Đông, phương Tây này, trong định phương này có đủ nghĩa Bản giác. Vì xưa nay chưa từng biết nên gọi là mê, trong định phương này có đầy đủ nghĩa bất giác. Vì bất giác nên gọi phương Đông là Tây, gọi phương Tây là Đông, trong định phương này là chỗ sinh khởi vọng tưởng chuyển thức. Định phương hoặc tùy duyên mê hoặc tùy duyên ngộ, chắc chắn không có lúc nào không tùy duyên nên có hai nghĩa Giác và Bất giác, gọi là môn Sinh diệt. Mê cũng phương này, ngộ cũng phương này, chắc chắn không theo duyên mà thay đổi, gọi là môn Chân như. Mê là mê Chân như này, trở thành sinh diệt, nhưng do đối đãi với mê mà nói ngộ, nên ngộ cũng phải thuộc về môn Sinh diệt. Nghĩa là nói vọng để hiển bày chân, vọng và

chân đều là vọng.

Ngộ thì ngộ sinh diệt này tức là Chân như, mà Chân như thì không có mê ngộ, nên mê cũng quy về môn Chân như. Nghĩa là tất cả chúng sinh tức tướng Niết-bàn, nên không thể lại hoại diệt, là tướng Bồ-đề không còn chứng đắc nữa.

Duy Thức cũng nói rõ về hạt giống các pháp chỉ thế tục mới có, chẳng phải nghĩa cao siêu chân thật, tức giống như nương theo phương hướng nên có hai pháp mê ngộ.

Lại nói, Chân như tức là tánh thật của thức này, chẳng phải ngoài sắc tâm có Chân như riêng.

Tức giống như vì nương theo mê ngộ mà biện phương hướng, ngoài hai tâm mê ngộ, nếu bác bỏ thì chẳng lẽ lại có phương hướng riêng hay sao?

Than ôi! Tổ Mã Minh, Hộ Pháp quyết không có hai ý chỉ, rõ ràng như vậy!

D2. Phân biệt riêng Thỉ giác và Bản giác:

Chia làm hai:

E1. Nói về nghĩa Thỉ giác.

E2. Nói về nghĩa Bản giác.

E1. Nói về nghĩa Thỉ giác:

Chia làm ba:

G1. Nêu chung chỗ sâu cạn.

G2. Chỉ rõ chỗ sâu cạn.

G3. Nói về cạn sâu vô tánh.

G1. Nêu chung chỗ sâu cạn:

Lại vì giác nguồn tâm gọi là Cứu Cánh giác, nguồn tâm không giác thì chẳng phải Cứu Cánh giác.

Theo luận, nghĩa giác thuộc về Tạng thức, tức là tâm sở Tuệ trong năm món Biệt cảnh. Tâm sở Tuệ này cũng giữ hoàn toàn Chân như làm thể, nên thu nhiếp tất cả pháp, sinh ra tất cả pháp, như chấp Nhân, chấp Ngã của ngoại đạo, phàm phu. Chấp Pháp, chấp Ngã của phàm phu, ngoại đạo Nhị thừa tức là Tuệ nhiễm ô, như tất cả thông minh khéo léo của thế gian tức tuệ vô ký, như tất cả chánh kiến thế gian có được tức là hữu lậu Thiện tuệ, như trí Nhân không của Ba thừa là Tuệ vô lậu cũng gọi là Cộng Bát-nhã, như trí Pháp Không của Đại thừa cũng tức Tuệ vô lậu, cũng gọi là Bất Cộng Bát-nhã, như Bốn trí của chư Phật tức trí tuệ không thể nghĩ bàn, cũng gọi là Vô thượng Bồ-đề. Lại nữa, trí Vô phân biệt của quả vị Gia hạnh tức là Tuệ hữu lậu Văn, Tư, Tu, trí Căn bản Vô

phân biệt tức là Thật tuệ, trí Hậu đắc Vô phân biệt tức là Quyền tuệ.

Lại nữa trong nhân, quán chiếu Lý gọi là Đạo Tuệ, quán chiếu Sự gọi là Đạo Chủng Tuệ. Trên quả, quán chiếu Lý gọi là Trí Nhất Thiết, quán chiếu Sự gọi là Trí Nhất Thiết Chủng. Lại nữa, quán chiếu chân đế gọi là Trí Nhất Thiết, quán chiếu tục đế gọi là Đạo Chủng Trí, quán chiếu Trung đạo gọi là Trí Nhất Thiết Chủng. Tuy có các tên khác nhau, các thứ khai hợp đều là một tâm sở Tuệ, đều là nghĩa giác của luận này. Hoặc chỉ công nhận Vô lậu mới gọi là Giác, chỉ có bốn Trí Bồ-đề của chư Phật mới có thể giác ngộ tận cội nguồn của tâm gọi là Cứu Cánh giác. Quả vị thấp hơn đều chẳng phải Cứu Cánh giác.

G2. Chỉ rõ sâu cạn:

Như phạm phu niệm trước Bất giác sinh khởi phiền não, niệm sau chế phục không để sinh khởi nữa. Đây tuy gọi là Giác nhưng tức là Bất giác.

Bất giác tức là Vô minh, Vô minh, tức là tâm sở Si trong các phiền não căn bản. Tâm sở Si này cũng nắm giữ hoàn toàn Chân như làm thể, nên cũng nhiếp tất cả pháp, sinh ra tất cả pháp. Nếu tương ứng với Pháp Ngã Si của thức thứ bảy gọi là Vô Minh Căn Bản, tức là chỗ đoạn sau gọi là vì không biết chân pháp là một. Hiện hành này, khi Trí Bình Đẳng Tánh hiện ra ở trước mới điều phục được, hạt giống này cho đến khi sắp thành Phật, nhờ định Kim Cương Dụ mới đoạn dứt được, đoạn dứt được hạt giống này mới gọi là Phật. Nếu với Nhân Ngã Si tương ứng của thức thứ bảy thì gọi là hằng hành Bất Cộng Vô Minh, phải đến khi chứng Vô Học của Ba thừa mới dứt được.

Nếu tương ứng với Pháp Ngã Si của thức thứ sáu thì có hai loại:

Phân biệt Pháp Si, khi lên Sơ địa liền chóng trừ.

Câu sinh Pháp Si, đến Thập Địa mới dứt dần từng phần, cho đến khi thành Phật mới dứt sạch.

Nếu tương ứng với Nhân Ngã Si của thức thứ sáu cũng có hai loại:

Phân biệt ngã si, người Ba thừa khi vừa Kiến đạo liền dứt.

Câu sinh Ngã Si, địa vị tu đạo của ba thừa dứt dần từng phần đến khi chứng Vô học mới sạch hết.

Nếu tương ứng với Câu sinh Si của năm thức trước thì tùy theo thức thứ sáu mà thành có và không, cho đến quả Phật mới bắt đầu dứt sạch.

Cho nên do si mê này mà có sáu cõi phàm, do chuyển si thành không còn si mà có bốn cõi Thánh. Đây há chẳng phải là năng nhiếp tất

cả pháp, sinh ra tất cả pháp hay sao!

Nay nói phạm phu niệm trước Bất giác nghĩa là theo Phân biệt Si hoặc Câu sinh Si, tương ứng với thức thứ sáu mà nói. Vì thức thứ bảy si nên thường vận hành không cần nói. Khởi phiền não nghĩa là khởi các hoặc tham sân si tương ứng với sáu thức trước.

Niệm sau chế phục không để sinh khởi trở lại, nghĩa là dùng ngay chánh kiến thế gian hoặc dùng văn tuệ và tư tuệ hữu lậu để đối trị. Ở đây tuy gọi là Giác vì là Thiện tuệ nhưng tức là Bất giác vì chưa phải là Vô lậu.

Như người Nhị thừa và Bồ-tát Sơ nghiệp, Giác có niệm và vô niệm thể tướng khác nhau, vì xả phân biệt thô nên gọi là Tương tự giác.

Người Nhị thừa chỉ chung cho bậc Hữu học và Vô học. Bồ-tát Sơ nghiệp nghĩa là tám bậc từ Kiến địa trở lên trong Thập địa, Sơ phát tâm trụ địa trở lên trong bậc Tam hiền Thập thánh, vì đã dứt Phân biệt Ngã Si, đã chứng Sinh Không Chân như hiện bày, cho nên hay Giác, khi xuất Hữu niệm thiền quán nhập Vô niệm thiền quán, thể tướng kia có sự khác nhau. Xả bỏ kiến hoặc và tư hoặc gọi là xả bỏ phân biệt thô, chỉ được Sinh không Vô lậu chưa được Pháp không Vô lậu nên chỉ gọi là Tương tự Giác.

Như Bồ-tát Pháp thân, giác ngộ Niệm và Vô niệm đều không có tướng, vì xả phân biệt bậc trung nên là gọi Tùy phần giác.

Chống trừ phân biệt pháp chấp, xả dị sinh tánh chướng, chứng Biến hành Chân như, được Phật tánh Trung đạo gọi là Bồ-tát Pháp thân.

Đã chứng Pháp thân Chân như thì biết Thể Chân như vốn chẳng phải Hữu niệm sinh tử, cũng chẳng phải Vô niệm Niết-bàn, chỉ vì bất biến tùy duyên nên Chân như toàn thể thành Niệm, Vô niệm; Tùy duyên bất biến nên Niệm Vô niệm đều tức là Chân như, nào có hai tướng. Từ đây dứt trừ dần dần Câu sinh Pháp chấp gọi là Xả Phân Biệt bậc trung. Đã được Pháp Không Vô Lậu chỉ chưa được tột cùng nguồn cội nên gọi là Tùy Phần giác, cái gọi là Phần chứng tức Phật.

Nếu vượt qua Bồ-tát địa, đạo rốt ráo viên mãn, một niệm tương ứng Giác tâm vừa khởi mới gọi là Giác. Xa lìa tướng giác, phân biệt sâu kín rốt ráo dứt hẳn. Bản tánh của Tâm thường trụ hiện tiền đây là Như Lai, gọi là Cứu Cánh giác.

Vượt qua Bồ-tát địa là Đẳng giác hậu tâm, nhập vào định Kim Cương Dụ. Trí Diệu Quan Sát, Pháp Không Vô Lậu gọi là đạo Cứu cánh. Từ Sơ chứng Pháp thân về sau, tăng tiến từng phần cho đến chỗ

đầy đủ viên mãn này, khiến hạt giống hữu lậu trong thức Dị thực đều xả bỏ sạch hết, chuyển thành thức Yêm-ma-la, tức bỗng được tương ứng với trí Đại viên cảnh, nên nói Nhất niệm tương ứng giác tâm sơ khởi.

Mối gọi là Giác nghĩa là giải thích thành Thủ giác, Cứu Cảnh Giác. Xa lìa tướng giác là giải thích nghĩa tức là Bản Giác không có giác nào khác sinh khởi. Vi tế phân biệt rốt ráo dứt hẳn nghĩa là trong đạo Vô gián, xả bỏ Dị thực chủng thức. Tánh căn bản của tâm thường trụ hiện tiền nghĩa là trong đạo giải thoát chứng Pháp thân sẵn có đầy đủ.

Như nghĩa là tánh Chân như Bản giác. Lai nghĩa là tu cho Thủ giác hợp nhất với Bản giác. Thủ giác và Bản giác hợp nhất nên gọi là Như Lai, Thủ Giác và Bản Giác đều quên nên gọi là Giác Cứu Cảnh.

Cho nên kinh nói, nếu có chúng sinh hay quán tất cả vọng niệm vô tướng, đó là chứng đắc trí tuệ Như Lai.

Chân như Phật tánh bất biến tùy duyên, toàn thể thành tất cả vọng niệm, như nước thành băng thì tất cả vọng niệm tùy duyên bất biến, toàn thể tức là Chân như Phật tánh, như băng nắm giữ nước thành tướng, há có tự tướng riêng ư? Do các phàm phu chẳng hiểu vọng niệm vô tướng nên tuy chế ngự phiền não vẫn gọi là Bất giác. Do người Nhị thừa và Bồ-tát Sơ nghiệp cũng không hiểu vọng niệm vô tướng, vọng chấp niệm và vô niệm có thể tướng khác nhau, nên tuy chứng đắc Sinh Không Vô Lậu, chỉ có thể gọi là Tương tự giác. Nếu dùng lý thật để dẹp trừ vẫn gọi là Bất giác.

Sau khi đã chứng Pháp thân rồi mới giác ngộ được niệm và vô niệm đều không có tướng, mới được gọi là Tùy Phần giác. Cho nên kinh nói nếu có chúng sinh khi bắt đầu ở địa vị phàm phu đã quán tất cả vọng niệm vô tướng thì đã chứng đắc trí tuệ Như Lai.

Phải biết tất cả chúng sinh tuy vọng chấp vọng niệm có tướng mà vọng niệm vốn thật vô tướng, đây gọi là Lý Tức Chứng Đắc trí tuệ Như Lai, nên kinh Viên Giác nói tất cả chúng sinh đều chứng Viên giác. Nếu biết vọng niệm không tướng là Danh Tự Chứng Đắc, nếu quán vọng niệm vô tướng là Quán Hạnh Chứng Đắc, nếu quán sát cho đến sáu căn thanh tịnh là Tương tự Chứng Đắc, nếu quán đến Pháp thân tương ứng đó là Phần Chân Chứng Đắc, nếu quán đến rốt ráo đầy đủ viên mãn là Rốt ráo Chứng Đắc. Ở đây từ đầu đến cuối đều dùng Phật tri Phật kiến tu hành, không giống các tướng phương tiện quanh co của người Ba thừa.

Trong đây, bốn đoạn văn đầu là theo Quyền chỉ bày Tiệm tu, một đoạn văn sau là theo Thật chỉ bày Đốn tu. Tiệm tu thì như cách thức

tuần tự thông thường mới lên đến quả Phật, Đốn tu như Thái tử vừa vào thai liền thành người nối nghiệp Đế vương.

Phần hai dạy rõ sâu cạn đã xong.

G3. Nói về cạn sâu Vô Tác:

Lại nữa, Tâm vừa khởi nghĩ là chỉ theo tục đế mà khởi, tìm tướng tâm vừa khởi thì không bao giờ được. Tâm còn không có tướng, hướng chỉ là có “vừa khởi”.

Đoạn trước nói một niệm tướng ứng giác tâm vừa khởi, theo đó dẹp rằng là xa lìa tướng giác. Vẫn còn sợ người mê chấp theo lời nói, cho là thật có tướng Thủ giác ban đầu, không biết tâm vốn vô tướng thì làm sao có tướng ban đầu. Vì một chữ Tâm chỉ là danh ngôn, ngoài chân không có vọng, nên vọng tâm cũng vô tướng, ngoài vọng không có chân nên chân tâm vô tướng. Ví như Diễn-nhã-đạt-đa hết diên đầu vẫn như cũ, đầu thể trên đầu đó lại tìm được tướng vừa mới hết cuồng ư?

Cho nên tất cả chúng sinh không gọi là Giác, vì từ vô thủy đến nay vẫn thường có vô minh vọng niệm tiếp nối, không hề xa lìa.

Vô minh vọng niệm có tức chẳng thật có, vì Bất giác nên chẳng có mà dường như có, cho nên tiếp nối mãi chưa hề xa lìa, hễ dụi mắt thì hoa đốm rơi lãng xăng, không thấy đầu mình cuồng sợ vọng sinh, nhưng vô minh phải đối trị, tìm rốt ráo không thật có, thì Thủ giác hay đối trị há có tướng ban đầu để được ư?

Nếu dứt vọng niệm, thì biết tướng sinh, trụ, dị, diệt của tâm đều vô tướng. Vì đối với một tâm, trước sau và đồng thời đều không tương ứng, vì không có tự tánh.

Do mê nhất tâm mà có vọng niệm, do có vọng niệm nên vọng thấy tướng sinh, trụ, dị, diệt của tâm, chỉ cần suy tìm tướng hiện tiền một niệm tâm tương ứng rốt ráo không thật có, thì vọng niệm chấp thật có tướng của tâm sẽ tự dứt trừ. Vọng niệm đã hết thì biết tâm tướng còn không thật có, làm sao có được tướng sinh trụ dị diệt. Vì nếu cho rằng thật có tướng sinh trụ dị diệt, thì sinh có trước hay trụ dị diệt có trước? Sinh có sau hay trụ dị diệt có sau? Hay sinh trụ dị diệt có đồng thời?

Nếu cho là sinh có trước thì có tâm cho nên sinh hay không có tâm cho nên sinh? Nếu có tâm cho nên sinh thì có hai tâm, nếu không có tâm cho nên sinh thì tâm phải có chỗ bắt đầu. Lại nữa, chỗ tâm sinh có tướng thế nào? Nên sinh có trước là chẳng hợp lý.

Nếu trụ dị diệt có trước thì phải có sinh mới có trụ dị diệt, trước đã không có sinh làm sao có trụ dị diệt, cho nên trụ dị diệt có trước cũng chẳng hợp lý.

Nếu bảo sinh có sau, trước đã không có sinh làm sao về sau lại bỗng có sinh. Lại nữa, vì diệt mới có sinh, trước đã không có sinh thì không thể có diệt, trước đã không có diệt thì sau chẳng lẽ lại có sinh, cho nên sinh có sau thì không hợp lý.

Nếu trụ dị diệt có sau thì trước phải không có diệt, trước đã không có diệt cũng không có sinh, trước đã không có sinh vì sao về sau lại có trụ, dị, diệt. Cho nên trụ dị diệt có sau cũng không hợp lý.

Nếu bảo sinh trụ dị diệt có cùng lúc thì sinh trái với diệt, trụ trái với dị càng không hợp lý.

Gạn hỏi như thế thì biết sinh, trụ, dị, diệt chỉ có tên gọi chớ thật đâu có tự tánh.

Đã biết như thế thì biết Thỉ giác không thật có, vì chẳng khác Bản giác.

Bản giác lia tất cả tướng vọng niệm, bằng cội hư không, chẳng ở đâu không trùm khắp.

Pháp giới Nhất tướng chẳng sinh chẳng trụ chẳng dị chẳng diệt. Nay tìm Thỉ giác cũng không có sinh, trụ, dị, diệt thì đâu có khác với Bản Giác? Cho nên, nói theo Tục đế thì có phàm phu Bất giác, Ba thừa Tương tự Giác, Pháp thân Tùy phần Giác, Như Lai Cứu cánh giác v.v... không giống nhau, mà giác tánh Chân như không hề có những sự khác nhau sâu cạn như thế?

Phần đầu phân biệt ý nghĩa Thỉ giác đã xong.

E2. Nói về nghĩa Bản giác:

Chia làm hai:

G1. Nêu hai Tướng.

G2. Giải thích hai Tướng.

G1. Nêu hai Tướng:

Lại nữa, Bản Giác tùy mức độ nhiễm ô mà phân biệt, phát minh hai tướng khác nhau: Một là tướng Tịnh trí, hai là tướng dụng không thể nghĩ bàn.

Bản Giác đã tức là Pháp thân bình đẳng, lia tất cả tướng vọng niệm, vì sao có hai tướng khác nhau? Chỉ vì tùy mức độ nhiễm ô mà phân biệt nói có Thỉ giác. Vì có Thỉ giác mới hiển bày tướng dụng của Bản Giác, cho nên vô sinh mà nói sinh.

G2. Giải thích hai Tướng:

Chia làm hai:

H1. Giải thích tướng tịnh trí.

H2. Giải thích tướng dụng không thể nghĩ bàn.

H1. Giải thích Tướng Tịnh trí:

Chia làm hai:

K1. Chỉ rõ tướng.

K2. Giải thích.

K1. Chỉ rõ Tướng:

Tướng Tịnh trí nghĩa là y theo pháp huân tập, như thật tu hành, công đức viên mãn đầy đủ, phá hòa hợp thức, diệt tướng chuyển thức vì hiển hiện trí thanh tịnh Pháp thân.

Tướng Tịnh trí tức là Bốn trí tương ứng tâm phẩm. Y theo pháp huân tập là vọng huân chân huân, thể huân dụng huân sẽ nói đầy đủ ở đoạn sau.

Như thật tu hành nghĩa là thuận theo pháp tánh mà tu các pháp hạnh. Công đức tròn đủ là vượt quá các quả vị rốt ráo của Bồ-tát. Phá hòa hợp thức là xả bỏ tên gọi Dị thực, chuyển thành Trí Đại Viên Cảnh tương ứng tâm, không còn là chỗ huân tập nữa. Diệt tướng chuyển thức là chuyển thức thứ bảy thành Trí Bình Đẳng Tánh tương ứng tâm, chuyển thức thứ sáu thành Trí Diệu Quan Sát tương ứng tâm, chuyển năm thức trước thành Trí Thành Sở Tác tương ứng tâm, không thêm không bớt, còn là thức năng huân. Vì hiển hiện trí thanh tịnh Pháp thân nghĩa là Chân như sở chứng là Pháp thân, Bồ-đề năng chứng là trí thanh tịnh. Trí và Chân như bình đẳng bình đẳng, không có năng sở.

K2. Giải thích sự Thành lập:

Tất cả tướng tâm thức tức là tướng Vô minh, chẳng phải một chẳng phải khác với Bản Giác, chẳng phải có thể hoại, cũng chẳng phải không có thể hoại.

Tất cả tướng tâm thức là chỉ chung tám Tâm Vương và gồm thu nhiếp luôn các Tâm Sở tương ứng, tức là tướng Vô minh vì từ vô thỉ đến nay không hề giác ngộ, là Tục đế cho nên có tướng khác nhau. Chẳng phải một chẳng phải khác với Bản Giác nghĩa là toàn thể Chân như thành Bản giác vô minh. Bản giác là tánh vô lậu, vô minh là tánh hữu lậu, cho nên chẳng phải một, cùng nắm giữ Chân như làm thể nên chẳng phải khác. Chẳng phải là có thể hoại nghĩa là tánh Vô minh tức là Chân như, chẳng phải khác Bản giác, chẳng phải không thể hoại là tướng Vô minh trái với Chân như, chẳng phải một với Bản giác.

Như nước biển và sóng chẳng phải một, chẳng phải khác, sóng do gió động chẳng phải tánh nước động. Nếu khi gió dừng, sóng động liền ngừng, tánh nước chẳng diệt.

Đoạn này nêu ví dụ để giải thích sự thành lập. Nước biển dụ cho

Như Lai tàng tâm, sóng dụ cho bảy chuyển thức trước, gió dụ cho tâm sở vô minh, tướng động của nước gọi là gió. Nguồn gốc của gió không ở ngoài nước, dụ cho tâm bất giác tức gọi là Vô minh. Tâm sở vô minh thường tương ứng với tâm vương, vì không ngoài tâm vương.

Nhưng nước có tánh động, tức dụ cho hạt giống vô minh chứa trong thức thứ tám. Sóng có tướng động chuyển dụ cho vô minh hiện hành, chỉ tương ứng với bảy thức trước. Tạng thức thường trụ, chuyển thức sinh diệt như nước và sóng chẳng phải một. Tạng thức cũng nắm giữ Chân như làm thể, chuyển thức cũng nắm giữ Chân như làm thể như nước và sóng chẳng phải khác, vì đồng một tánh ướt. Sóng nhân gió động thì toàn thể nước đều động, dụ như chẳng phải chỉ bảy thức sinh diệt mà tạng thức cũng sinh diệt.

Chẳng phải tánh nước động thì tánh ướt của sóng cũng không hề động, ví dụ chẳng phải chỉ có tánh tàng thức không sinh diệt, tức tánh chuyển thức cũng không sinh diệt.

Nếu khi gió dừng là dụ cho vô minh chuyển thành minh. Sóng động liền diệt là dụ cho hòa hợp thức và tướng chuyển thức đều diệt, không thành năng huân, sở huân. Chẳng phải tánh nước diệt là dụ cho tám thức chuyển thành bốn trí tương ứng tâm, đồng Chân như thường trụ chẳng diệt.

Chúng sinh cũng vậy, tự tánh tâm thanh tịnh vì gió vô minh động, sóng mời thức sinh khởi, ba việc như thế đều không có hình tướng, chẳng phải một, chẳng phải khác. Nhưng tánh tâm tịnh là gốc của thức động, khi vô minh diệt thì thức động cũng diệt theo, tánh trí chẳng hoại.

Đoạn này để hợp pháp. Tự tánh thanh tịnh tâm tức chỉ cho tâm tánh hiện tiền, thể tức Chân như xưa nay thanh tịnh, chẳng phải thành Phật mới thanh tịnh.

Vì gió vô minh động nghĩa là từ vô thủy đến nay vì chưa ngộ, dĩ nhiên có tám chủng thức, trong thức thứ tám dĩ nhiên sẵn có hạt giống vô minh như nước chứa đựng tánh động, bảy thức trước hiện hành dĩ nhiên vốn tương ứng với vô minh như sóng có tướng động. Sóng mời thức sinh khởi là như nước biển toàn thể là sóng. Ba việc như thế đều không có hình tướng nghĩa là ví như chỗ nương của sóng gọi là nước, chỉ chỗ nước sinh khởi gọi là sóng, chỉ chuyển động của sóng gọi là gió, ngoài nước không có tướng động của sóng riêng, ngoài sóng không có tướng động của nước riêng, ngoài sự chuyển động không có hình tướng sóng và nước riêng. Nói có ba thứ cho nên chẳng phải một, đồng nương tánh ướt nên chẳng khác. Chúng sinh cũng vậy, ngoài tàng thức không

có hình tướng vô minh, chuyển thức riêng ngoài chuyển thức không có hình tướng tàng thức vô minh, ngoài vô minh cũng không có hình tướng tàng thức chuyển thức. Nói có ba thứ: thức thứ tám, bảy thức trước và tâm sở cho nên chẳng phải một, đồng một tâm Chân như thanh tịnh nên chẳng phải khác. Nhưng tâm tánh thanh tịnh là gốc của thức động nghĩa là như tánh ướt của nước là gốc của nước và sóng. Khi vô minh diệt, thức động cũng diệt theo, nghĩa là giống như khi gió diệt sóng động cũng diệt theo, không phải chỉ diệt bảy tướng năng huân ở trước, tức tướng hòa hợp thọ huân của thức thứ tám cũng diệt. Tánh trí không hoại giống như đoạn trước nói chẳng phải tánh nước diệt, chẳng những chỉ có tánh của Trí Đại Viên Cảnh không hoại mà chính tánh của Trí Bình Đẳng Tánh, Trí Diệu Quan Sát và Trí Thành Sở Tác cũng không hoại.

Phần đầu giải thích tướng Tịnh Trí đã xong.

H2. Giải thích Tướng Dụng không thể nghĩ bàn:

Tướng dụng không thể nghĩ bàn có nghĩa là nương Tịnh trí, sinh khởi tất cả cảnh giới tốt đẹp, thường không đoạn dứt, gọi là thân Như Lai đầy đủ vô lượng công đức tăng thượng, tùy căn cơ chúng sinh thị hiện thành tựu vô lượng lợi ích.

Nương Tịnh trí sinh khởi tất cả cảnh giới thắng diệu v.v... nghĩa là, Luận Duy Thức nói bốn tâm này tuy đều duyên khắp tất cả pháp mà dụng khác nhau, gọi là Trí Đại Viên Cảnh tương ứng tâm, công đức viên mãn thuần tịnh, hiện hành và hạt giống nương đây mà được giữ gìn, hay hiện hay sinh bóng dáng sắc thân, cõi nước và trí tuệ không có dứt quãng cùng tột đời vị lai.

Trí Bình Đẳng Tánh tương ứng tâm, quán tất cả pháp hữu tình ở mình và người đều bình đẳng, đại từ đại bi thường cùng tương ứng, tùy chỗ ưa thích của các hữu tình thị hiện thọ dụng sắc thân, cõi nước hình tượng khác nhau. Trí Diệu quan sát không cùng chỗ nương, là chỗ kiến lập Niết-bàn Vô Trụ, một vị nối nhau tột đời vị lai. Trí Diệu Quan Sát tương ứng tâm, khéo quán tự tướng, cộng tướng của các pháp không ngăn ngại mà chuyển, nhiếp quán vô lượng môn Tổng trì. Và đối với hội chúng là chỗ phát sinh công đức châu báo, hay hiện vô biên tác dụng khác nhau đều được tự tại, rưới mưa pháp lớn, dứt tất cả nghi khiến các loài hữu tình đều được lợi lạc.

Trí Thành Sở Tác tâm tương ứng, vì muốn lợi lạc các loài hữu tình, nên khắp mười phương đều thị hiện các thứ biến hóa của ba nghiệp, thành tựu năng lực bản nguyện tùy nghi tạo tác. Bốn chủng tánh này tuy đều có sẵn nhưng phải huân phát mới được hiện hành, do đó quả vị tăng

dần viên mãn quả Phật, không thêm không bớt tội đời vị lai, chỉ từ hạt giống sinh khởi không huân thành hạt giống, vì chỗ để công đức Phật trước cao siêu hơn Phật sau. Nên biết tướng Tịnh trí trước, và từ Trí Đại Viên Cảnh sinh khởi sắc thân vô cùng thanh tịnh thường trùm khắp, tức là tự thọ dụng thân công đức.

Ở đây, nương trí thanh tịnh sinh ra cảnh giới, sắc thân và cõi nước, tùy căn cơ chúng sinh mà thành tựu lợi ích, tức là tha thọ dụng báo hơn hay kém v.v... tùy theo các loại công đức. Hai công đức này đều do Bản Giác tùy nhiệm phân biệt nên trời lẫn trong sinh tử. Về sau đổi nhiệm thành tịnh, nương pháp huân tập như thật tu hành theo chỗ chứng đắc, nên đoạn trước nói sinh hai tướng khác nhau vẫn chỉ do thức mà gọi là có chỗ sinh.

Tuy có chỗ sinh nhưng cũng không gọi là tướng Thủ giác, vẫn gọi là tướng Bản giác. Như Duy Thức nói bốn chủng tánh này đều có sẵn. Kinh Đại Phật Đảnh cũng nói Bồ-đề viên mãn, trở về không có chỗ được, bởi vì hạt giống vô lậu sẵn có, vốn là toàn thể Chân như, vốn đầy đủ tướng dụng, Chân như không hề giảm bớt chút nào. Nay quả Phật vô lậu hiện hành, cũng chỉ là toàn thể tướng dụng của Chân như, vì không hề tăng thêm chút nào vậy.

Phần hai phân biệt Bản giác và Thủ giác đã xong.

D3. Nói chung về bốn thứ:

ĐẠI NGHĨA:

Lại nữa, tướng Giác có bốn nghĩa lớn, thanh tịnh như hư không, gương sáng.

Trước nói thức A-lại-da có nghĩa Giác kia, lại nói nương Bất giác nói Thủ giác, đối đãi với Thủ giác lập Bản giác mà Thủ giác, Bản giác rất rảo chẳng khác, nên nay nói thẳng bốn nghĩa lớn của tướng giác.

Vốn không cấu nhiễm nên gọi là Thanh tịnh, vốn không hình tướng không phương hướng không phần hạn để được nên như hư không, xưa nay vắng lặng chiếu soi nên như gương sáng. Vì chỉ nói như hư không thì không thể hiển bày được chiếu dụng, nếu nói như gương sáng thì không hiển bày được thể tướng kia, nên phải gom lại nói như hư không, gương sáng mới có thể dụ được phần nào tướng giác.

Đại nghĩa Chân thật Không.

Nghĩa lớn chân thật Không như hư không, gương sáng nghĩa là tất cả tướng cảnh giới của tâm và tướng Giác đều không thật có.

Đây tức là Chân thật Không, nương ngôn thuyết kiến lập trong môn Chân Như, nghĩa là hạt giống vô lậu vô thủ trong A-lại-da hoàn

toàn nắm giữ Chân như làm thể, Chân như chẳng phải tất cả tâm, chẳng phải tất cả cảnh giới do tâm hiện, cũng chẳng phải tướng Giác. Tất cả đều không nên hạt giống vô lậu này cũng chẳng phải tướng cảnh giới và tướng Giác của tất cả tâm. Ví như Thể hư không chẳng có các tướng đó, ví như gương sáng vốn không có mảy bụi.

Đại nghĩa Chân thật Bất không.

Nghĩa lớn Chân thật Bất không như hư không gương sáng, nghĩa là tất cả pháp thành tựu tràn đầy tánh không thể hoại, tất cả tướng cảnh giới thế gian đều hiện trong đó, không ra không vào, không hoại không diệt, thường trụ nhất tâm. Tất cả pháp nhiệm không thể nhiệm, biết Thể đầy đủ vô biên công đức vô lậu, vì là nhân huân tập tất cả tâm chúng sinh.

Đây là Chân thật Bất Không nương lời nói kiến lập trong môn Chân Như, nghĩa là trong A-lại-da hạt giống vô lậu từ vô thủy nắm giữ toàn thể Chân như của tất cả pháp đã thành tựu viên mãn không thể phá hoại làm thể, cho nên tướng tất cả cảnh giới thế gian đều hiện trong hạt giống vô lậu. Ngoài hạt giống vô lậu không có tất cả cảnh giới riêng khác, cho nên không xuất, trong tất cả cảnh giới không có hạt giống vô lậu riêng khác nên không nhập. Do không xuất nên không diệt, cảnh tức Chân như vì không thể diệt; do không nhập nên không hoại, Chân như tức cảnh vì không thể hoại.

Lại nữa, tánh sắc chân không, tánh không chân sắc, thanh tịnh bản nhiên trùm khắp pháp giới, cho nên không xuất không nhập. Tùy tâm chúng sinh, ứng theo chỗ hiểu biết, theo nghiệp phát hiện, cho nên không diệt không hoại.

Lại nữa, tùy duyên bất biến cho nên không xuất không nhập, bất biến tùy duyên cho nên không diệt không hoại. Lại nữa, như hư không chứa đựng và nuôi dưỡng muôn vật, bóng gương sáng hiện các hình ảnh đều không xuất không nhập, không diệt không hoại. Cho nên hạt giống vô lậu đương thể tức là nhất tâm thường trụ, tuy nhất tâm này thường trụ, toàn thể liền thành tất cả pháp nhiệm, như nước thành băng, nhưng tất cả pháp nhiệm này vốn không có tự tánh, làm sao có thể làm nhiệm ô hạt giống vô lậu này, như băng không thay đổi tánh ướt sẵn có. Chỉ hạt giống vô lậu này bèn là trí thể Bồ-đề xưa nay đầy đủ vô biên công đức vô lậu, vì tại triền nên gọi là nhân, nhân là tên khác của hạt giống. Nhân vô lậu này cũng gọi là Phật tánh, Phật tánh mạnh mẽ không thể phá hoại, tuy ở trong tâm thức A-lại-da của tất cả chúng sinh, sức hay huân tập khiến tâm vọng niệm chán khổ sinh tử, cầu vui Niết-bàn.

Hai nghĩa lớn trên tức thể Đại thừa.

Đại nghĩa Chân thật Bất Không ly chướng:

Nghĩa lớn Chân thật, Bất Không lìa chướng, như hư không, gương sáng, nghĩa là hai chướng phiền não sở tri dứt hẳn, thức hòa hợp diệt, bản tánh thanh tịnh thường an trụ.

Đây là Bản giác tùy nhiệm phân biệt mà sinh tướng Tịnh trí. Tuy do Thỉ Giác hiển hiện, không khác Bản Giác tại triền, tức là tướng Đại thừa.

Lìa hai chướng phiền não sở tri là hiển bày nghĩa Chân thật Không trong môn Chân Như, bản tánh thanh tịnh an trụ tức nói lên nghĩa Chân thật Bất Không trong môn Chân Như môn. Vì hiển bày tướng Bất Không nên kiến lập Không, cho nên chỉ gọi là nghĩa lớn chân thật Bất Không lìa chướng, cũng như hư không rộng lớn không có mây, như gương xưa bằng ngọc trong suốt.

Đại nghĩa Chân thật Bất Không thị hiện:

Nghĩa lớn thị hiện chân thật Bất không như hư không gương sáng, nghĩa là nương pháp lìa chướng ứng hóa khắp nơi, hiện Như Lai với các thứ hình sắc âm thanh khác nhau, vì muốn chúng sinh tu các gốc lành.

Đây tức là Bản giác tùy theo nhiệm phân biệt mà sinh khởi tướng dụng không thể nghĩ bàn, tùy chỗ ứng hóa tức Ý luân quán căn cơ, hiện các thứ sắc tướng tức thân luân hóa hiện chỉ bày, hiện các thứ âm thanh tức Khẩu luân nói pháp. Đây cũng như hư không bao la chứa đựng muôn vật, như gương sáng mau chóng vẽ hiện ngàn tướng mạo.

Hỏi: Nghĩa giác trong thức A-lại-da là do hoàn toàn nắm giữ Chân như làm thể nên có đầy đủ bốn nghĩa lớn này, Bất giác kia cũng hoàn toàn nắm giữ Chân như làm thể nên cũng có đầy đủ bốn nghĩa lớn này chăng?

Đáp: Đủ! Vì tướng Bất giác không thật có, tất cả pháp đều không thật có tức là nghĩa lớn chân thật Không, vì tướng Bất Giác đã không thể được thì tất cả pháp thành tự viên mãn tánh không thể hoại. Tất cả tướng cảnh giới thế gian đều hiện trong Bất giác, không xuất không nhập, không diệt không hoại, thường trụ nhất tâm, là chỗ tất cả pháp nhiệm không thể làm nhiệm, tất cả pháp tịnh không thể thanh tịnh.

Bất giác đầy đủ vô biên công đức vô lậu, vì là nhân huân tập tâm tất cả chúng sinh, tức là nghĩa lớn chân thật bất không; vì thông đạt tánh Bất giác này chính là thể chân thật Bất không, dứt hẳn hai chướng bản tánh thường trụ tức là nghĩa lớn lìa chướng; vì tánh Bất giác lìa hai chướng, tùy chỗ ứng hóa, hiện tướng Như Lai... các thứ hình sắc âm

thanh khác nhau, khiến tu các gốc lành, tức nghĩa lớn Thị hiện.

Hỏi: Đã nói toàn thể Chân như thành một hạt bụi nhỏ thì tùy ý nắm lên bất cứ một hạt bụi nào đều có đủ bốn nghĩa lớn phải chăng?

Đáp: Đủ! Vì tướng bụi nhỏ nếu không phân chia thì chẳng phải hạt bụi, vì không có hình tướng, nếu có phân chia thì sẽ phân tích nên nhất định chẳng phải thật có. Từ đây suy rộng ra, hạt bụi này vì đã vô tướng thì tất cả pháp cũng đều vô tướng, tức là nghĩa lớn chân thật Không. Tướng hạt bụi đã không thật có, tức tất cả pháp thành tựu viên mãn tánh không thể phá hoại. Tất cả tướng cảnh giới thế gian đều hiện trong hạt bụi, không ra không vào, không hoại không diệt, cho đến hạt bụi đầy đủ vô biên công đức vô lậu, là nhân huân tập tất cả tâm chúng sinh, tức là nghĩa lớn Chân thật Bất Không.

Vì hiểu rõ tánh của một hạt bụi tức là thể Chân thật Bất Không dứt hẳn hai chướng, bản tánh thường trụ, tức là nghĩa lớn lìa chướng. Vì tánh hạt bụi này lìa hai chướng, ứng hóa mọi nơi, hiện thân nói pháp khiến tu gốc lành, cái gọi là trên đầu sợi lông hiện cõi Bảo Vương, ngồi trong hạt bụi xoay bánh xe pháp lớn tức là nghĩa lớn Thị hiện. Kinh Hoa Nghiêm nói trong một hạt bụi có quyển kinh lớn như cõi Đại thiên, như một hạt bụi, tất cả hạt bụi khác cũng giống như vậy, là ý nghĩa này.

Hãy suy nghĩ kỹ!

Phần đầu giải thích nghĩa Giác đã xong.

